

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HS-PT
Ngày: 19-4-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thu

Ông Nguyễn Thiện Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Nhật Châu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 29/2023/TLPT-HS ngày 13 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo Đặng Minh H và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 166/2022/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Các bị cáo có kháng cáo:

- Đặng Minh H (tên gọi khác: M), sinh ngày 14 tháng 02 năm 1986, tại tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn S và bà Nguyễn Thị Đ; Có vợ tên Lê Thị Kim N (đã chết) và có 02 người con, sinh năm 2007 và năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Trần Trọng N1 (tên gọi khác: Tam L), sinh ngày 20 tháng 02 năm 1994, tại tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T và bà Hà Thị E; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Lê Minh Q, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2000, tại tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt

Nam; Con ông Lê Hồng D và bà Lê Thị C; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Q:* Ông Lê Hồng D, sinh năm 1969, là cha của bị cáo; Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Q:* Ông Lê Trung T1, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. (có mặt)

- *Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị không triệu tập:*

- *Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:* Nguyễn Công T2.

- *Bị hại:* Trương Công N2 (Tý hột vịt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Trần Thị H1, Nguyễn Hiếu N3, Phan Văn C1, Nguyễn Thùy D1, Trần Tấn L1, Nguyễn Thanh P.

- *Người làm chứng:* Trần Văn B, Võ Phước T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 04 năm 2021, bị hại Trương Công N2 cho anh Trần Tấn L1 vay số tiền 5.000.000đồng. Đến tháng 08 năm 2021, bị hại Nghiệm nhiều lần yêu cầu anh L1 trả lại số tiền trên nhưng anh L1 không có tiền trả nên giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn, đánh nhau bằng tay và được mọi người can ngăn. Sau đó, bị hại N2 về nhà sử dụng dao tự chế sang dọa chém anh L1, anh L1 sợ bị đánh, bị chém nên đến nhà bà ngoại tên Nguyễn Thị B1 tại ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An để ở.

Sau đó, L1 kể lại sự việc bị bị hại N2 dọa đánh cho bị cáo Nguyễn Công T2 nghe. Đến khoảng 20 giờ 30 phút ngày 10/8/2021, sau khi uống rượu xong, bị cáo T2 nhớ đến sự việc bị hại N2 dọa đánh anh L1 nên tức giận và có ý định đánh gây thương tích cho bị hại N2 để trả thù cho anh L1. Khoảng 21 giờ cùng ngày, bị cáo T2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 70D1-150.63 đến nhà của bị cáo Đặng Minh H (M) rủ bị cáo H cùng đi đến nhà bị hại N2 tìm đánh bị hại N2 để trả thù cho anh L1, được bị cáo H đồng ý. Tại nhà của bị hại N2, bị cáo T2 và bị cáo H gặp chị Trần Thị H1 (vợ bị hại Nghiệm) và biết được bị hại Nghiệm không có ở nhà nên các bị cáo ra về. Trên đường về, bị cáo T2 gọi điện thoại cho bị hại N2 nói chuyện và thách thức đánh nhau với bị hại N2. Các bị cáo T2 và H về đến nhà của bị cáo H thì thấy bị cáo Trần Trọng N1 (T) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 70D1-043.27 chở bị cáo Lê Minh Q đi ngang qua gặp các bị cáo T2 và H, bị cáo T2 rủ các bị cáo N1 và Q cùng đi đánh bị hại Nghiệm, được các bị cáo N1 và Q đồng ý. Đồng thời, bị cáo T2 gọi điện thoại cho người tên D2, không xác định nhân thân, lai lịch, nhà ở huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đến và mang theo hung khí để cùng đi đánh bị hại N2, được D2 đồng ý.

Khoảng 30 phút sau, D2 đi cùng với 03 người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ trên 02 xe mô tô không rõ biển kiểm soát đến mang theo một túi nylon bên trong chứa dao tự chế. D2 lấy đưa cho mỗi người cầm 01 cây dao tự chế dài khoảng 40-50cm làm hung khí, tất cả đều cầm dao tự chế trên tay và cùng nhau đi đến nhà của N2.

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 10/8/2021, bị cáo T2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 70D1-150.63 chở bị cáo H đi trước dẫn đường, bị cáo N1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 70D1-043.27 chở bị cáo Q, nhóm của D2 đi trên 02 xe mô tô không rõ biển số chạy theo phía sau. Khi đến nhà bị hại N2, bị cáo T2 điều khiển xe mô tô đậu trước cửa và cách cửa nhà bị hại N2 khoảng 2,8 mét, những người còn lại đậu xe mô tô ngoài đầu hẻm rồi đi bộ vào nhà bị hại N2. Nhóm của bị cáo T2 chia nhau đứng vây xung quanh nhà bị hại Nghiệm. Các bị cáo T2 và H đứng ở cửa chính, 02 người trong nhóm của D2 đứng ở cửa sau, các bị cáo Q và N1 cùng những người còn lại đứng cạnh mái hiên nhà sau của bị hại N2. Bị cáo Q cách cửa sau nhà bị hại Nghiệm khoảng 4,8 mét, bị cáo N1 đứng cách bị cáo Q khoảng 5,7 mét. Sau đó, bị cáo T4 dùng tay trái cầm dao tự chế, tay phải nhặt gạch, đá ở gần đó ném vào cửa nhà, khiêu khích bị hại N2 ra đánh nhau. Bị cáo H ngồi trên xe mô tô tay cầm dao tự chế, cách cửa chính nhà bị hại Nghiệm khoảng 03 mét. Hai người trong nhóm của D2 đứng ở cửa sau dùng dao tự chế chém vào cửa và dùng chân đạp vào cửa. Ở bên trong nhà, bị hại N2 cầm cây rựa có kích thước 40x60x80cm trên tay và cùng với vợ chần cửa sau để nhóm người bên ngoài không vào được nhà. Dưới lực đẩy từ bên trong nhà làm cánh cửa nhà sau của bị hại N2 ngã ra phía ngoài và ngã xuống nền xi măng phát ra tiếng động lớn. Bị cáo Q bước đến gần vị trí cửa sau nhìn vào trong thì thấy bị hại N2 trên tay cầm cây rựa giơ lên cao và lúc này bị cáo Q đứng cách bị hại Nghiệm khoảng 01 mét và dùng tay phải cầm dao tự chế chém 01 cái theo hướng từ trên xuống trúng vào vùng gò má phải kéo dài đến ngực phải của bị hại N2 gây thương tích, bị hại N2 cầm rựa chém về phía của bị cáo Q trúng vào vai phải của bị cáo Q, làm rơi cây dao tự chế trên tay bị cáo Q xuống nền xi măng, bị cáo Q bỏ chạy ra ngoài đám cỏ trước nhà bị hại Nghiệm. Lúc này, các bị cáo T2, H, N1 và những người còn lại thấy vậy nên cùng nhau bỏ chạy ra ngoài đầu hẻm. Bị hại N2 cầm rựa đuổi theo bị cáo Q ra đến đám cỏ nhưng do bị vướng cỏ dưới chân làm bị cáo Q và bị hại N2 cùng té ngã, hai bên giằng co với nhau làm phần cẳng tay phải của bị cáo Q bị bầm. Bị cáo Q đứng dậy bỏ chạy ra ngoài, bị hại N2 đi vào nhà. Sau khi gây thương tích cho bị hại N2, các bị cáo T2 và H quay vào dẫn xe mô tô biển kiểm soát 70D1-150.63 ra ngoài, bị cáo Q chạy vào nhặt lại cây dao tự chế và cả nhóm ra về. Trong lúc đánh nhau xe mô tô của bị cáo T2 bị người khác đập hư hỏng và rơi mất chìa khóa xe nên không nổ máy được, bị cáo N1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 70D1-043.27 chở bị cáo Q rồi dùng chân đẩy xe mô tô của các bị cáo T2 và H. Khi đi được một đoạn, cả nhóm dừng lại, bị cáo T2 đấu nối dây điện để khởi động xe mô tô, Dương thu lại dao tự chế mang về huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng bị hại N2 được đưa đi cấp cứu điều trị thương tích, sau đó có đơn yêu cầu xử lý hình sự những người gây thương tích cho bị hại Nghiệm.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 150/TgT.21-PY ngày 18/10/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh L kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Mặt: Vùng gò má phải có sẹo vết thương có kích thước 8cm x 0,6cm lành.

- Ngực: Vùng ngực bên phải có sẹo vết thương có kích thước 13cm x 0,6cm lành.

Không ảnh hưởng chức năng.

2. Kết luận:

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Trương Công N2 là 12% (Mười hai phần trăm).

3. Kết luận khác (nếu có): Cơ chế hình thành vết thương có khả năng là vật sắc gây nên.”

Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, Lê Minh Q khai nhận đã bị chấn thương sọ não do tai nạn giao thông vào năm 2020. Do đó, Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của Q vào thời điểm trước, trong và sau ngày thực hiện hành vi phạm tội.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo yêu cầu số 3323/KLGD ngày 29/8/2022 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Thành phố H kết luận:

“1.1. Về y học:

Trước, trong, sau thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 10/8/2021 và cho đến hiện tại đối tượng có rối loạn cảm xúc thực tổn/Viêm gan siêu vi B mạn tính (F06.3/B18.0-ICD10).

1.2. Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

Trước, trong, sau thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 10/8/2021 cho đến hiện tại đối tượng hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 166/2022/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1 Điều này), điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021); Điều 585, Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Công T2, Đặng Minh H (M), Trần Trọng N1 (T) và Lê Minh Q phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T2 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1 Điều này), điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021); Điều 585, Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đặng Minh H (M) 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Trọng N1 (T) 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1 Điều này), điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021); Điều 585, Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Minh Q 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Công T2, Đặng Minh H (M), Trần Trọng N1 (T) và Lê Minh Q có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Trương Công Nghiệm số tiền 167.050.000đồng, cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Công T2 bồi thường số tiền 41.762.500đồng, được khấu trừ số tiền 4.000.000đồng mà bị cáo đã nộp theo biên lai thu số 3957 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 37.762.500đồng.

Bị cáo Đặng Minh H (M) bồi thường số tiền 41.762.500đồng, được khấu trừ số tiền 15.000.000đồng mà bị cáo đã nộp theo biên lai thu số 3957 ngày 15 tháng 11 năm 2022 và biên lai thu 2392 ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 26.762.500đồng.

Bị cáo Lê Minh Q và ông Lê Hồng D có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 41.762.500đồng, được khấu trừ số tiền 15.000.000đồng mà bị cáo đã nộp theo biên lai thu số 3957 ngày 15 tháng 11 năm 2022 và biên lai thu 2391 ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bị cáo và ông D còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 26.762.500đồng.

Bị cáo Trần Trọng N1 (T) bồi thường số tiền 41.762.500đồng, được khấu trừ số tiền 5.000.000đồng mà bị cáo đã nộp theo biên lai thu số 3957 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 36.762.500đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 09/01/2023, bị cáo Trần Trọng N1 và bị cáo Đặng Minh H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 04/01/2023, bị cáo Lê Minh Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo Q được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đặng Minh H, Trần Trọng N1 và Lê Minh Q đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” là đúng, không oan. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Q xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Q.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về hình thức và thủ tục kháng cáo của các bị cáo Đặng Minh H, Trần Trọng N1, Lê Minh Q trong thời gian luật định, những yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng pháp luật, không oan.

Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo H, N1 như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có nhân thân tốt, tự nguyện bồi thường thiệt hại để khắc phục một phần trách nhiệm dân sự; hoàn cảnh gia đình khó khăn, các bị cáo là lao động chính trong gia đình. Ngoài những tình tiết giảm nhẹ trên, bị cáo Q còn là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, có người thân là người có công với cách mạng được chính quyền địa phương xác nhận nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo H, N1, Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt xin hưởng án treo.

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Ngoài những tình tiết cấp sơ thẩm đã xem xét, các bị cáo Trần Trọng N1 và Lê Minh Q không bổ sung tình tiết mới, xét thấy mức án cấp sơ thẩm tuyên phạt mỗi bị cáo 02 năm tù

là phù hợp tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà hai bị cáo gây ra nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Bị cáo Đặng Minh H kháng cáo có bổ sung đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ chết, nuôi 02 con nhỏ, là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương, bản thân bị cáo được UBND xã L, huyện Đ tặng giấy khen trong phong trào T5 dân bảo vệ an ninh tổ quốc và UBND huyện Đ tặng giấy khen đã có thành tích tốt trong truy bắt tội phạm, bị cáo đã nộp số tiền 26.762.500 đồng khắc phục bồi thường thiệt hại cho bị hại là các tình tiết mới mà cấp sơ thẩm chưa xem xét nên có căn cứ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo H.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có tính chất côn đồ nên theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết 02/2018/HĐTP-TANDTC sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 01/2022/HĐTP-TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo các bị cáo không được hưởng án treo.

Ngoài ra, tại phần quyết định của bản án còn tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển kiểm soát 70D1-150.63 là chưa chính xác, gây khó khăn trong công tác thi hành án. Vì theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xe mô tô cần bị tịch thu là xe nhãn hiệu JUARA, số khung trên ống cổ xe bên trái là BE13A-TH143710 còn nguyên vẹn, số khung PMSRU120U0XA38539 bị cắt hàn ghép, số máy bị đục sửa, chỉ đọc được ...2-TH2....7, không đọc được các ký tự nguyên thủy còn lại, xe gắn biển kiểm soát là 70D1-150.63. Trong khi đó, qua xác minh, biển kiểm soát 70D1-150.63 là của xe loại nhãn hiệu JUARA số khung PMSRU120U0XA38539, số máy F124138539 của ông Nguyễn Hiếu N3 đang sử dụng bình thường. Do đó cần tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước xe nhãn hiệu JUARA có số khung bị cắt hàn ghép đang bị tạm giữ và tuyên tịch thu tiêu hủy biển kiểm soát 70D1-150.63 mới phù hợp.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a,b khoản 1 Điều 355, 356, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Trọng N1, Lê Minh Q, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 166/2022/HS-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An về phần hình phạt đối với các bị cáo Trần Trọng N1, Lê Minh Q.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đặng Minh H, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 166/2022/HS-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An về phần hình phạt đối với bị cáo H.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Đặng Minh H (M) từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Tuyên sửa phần xử lý vật chứng đối với xe mang biển kiểm soát 70D1-150.63 như đã nhận định ở trên.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Q trình bày: Thống nhất với tội danh và điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và gia đình bị cáo có công với cách mạng là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự là không thể hiện tinh thần nhân đạo của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên khả năng chấp hành án phạt tù của bị cáo có phần hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, sửa Bản án sơ thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các bị cáo Đặng Minh H, Trần Trọng N1, Lê Minh Q kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định, yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân tỉnh Long An thụ lý xét xử theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 10 tháng 8 năm 2021, tại ấp S, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An, xuất phát từ bản chất côn đồ nên Nguyễn Công T2 đã rủ rê các Lê Minh Q, Đặng Minh H, Trần Trọng N1 và 04 người khác (không xác định nhân thân, lai lịch) sử dụng dao tự chế để gây thương tích cho Trương Công N2. Lê Minh Q là người trực tiếp dùng tay phải cầm dao tự chế dài khoảng 40cm, cán bằng nhựa màu đen dài khoảng 10cm, dao có mũi nhọn chém 01 cái trúng vào vùng gò má phải kéo dài đến ngực phải của Trương Công N2 làm N2 bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 12% (Mười hai phần trăm).

[3] Hành vi của các bị cáo trực tiếp dùng hung khí nguy hiểm chém vào người bị hại gây thương tích với tỷ lệ 12% nên đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Công T2 là người rủ rê các bị cáo khác mang theo hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho bị hại nên T2 là người chủ mưu, các bị cáo khác là đồng phạm với vai trò giúp sức, bị cáo Q thực hiện với vai trò là người thực hành. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương

tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan cho các bị cáo.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, làm ảnh hưởng khả năng lao động của bị hại, các bị cáo cũng thừa biết sức khỏe là vốn quý nhất của con người, được pháp luật bảo hộ nhưng do bản chất hung hăng côn đồ nên các bị cáo bất chấp chứng tỏ các bị cáo xem thường pháp luật do đó cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Công T2 có một tiền án chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội là tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục một phần hậu quả, các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình được chính quyền địa phương xác nhận là các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Q bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, bị cáo có người thân là người có công với cách mạng là tình tiết giảm nhẹ theo điểm q khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Công T2 03 năm tù, Đặng Minh H, Trần Trọng N1, Lê Minh Q mỗi bị cáo 02 năm tù là đúng người, đúng tội, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

[5] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Các bị cáo Trần Trọng N1 và Lê Minh Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo nhưng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào khác ngoài các tình tiết mà cấp sơ thẩm đã áp dụng, ngoài ra, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội các bị cáo gây ra nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Bị cáo Đặng Minh H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo có bổ sung tình tiết đã nộp tiền khắc phục hậu quả 26.762.500đồng theo như quyết định của bản án sơ thẩm, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ lớn tuổi, vợ đã chết, bị cáo là lao động chính nuôi hai con nhỏ có xác nhận của chính quyền địa phương, bị cáo được tặng giấy khen đã có thành tích tốt trong truy bắt tội phạm và có thành tích trong phong trào T5 dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng nên cần xem xét cho bị cáo.

Xét thấy, bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có nhân thân tốt ngoài lần phạm tội này chưa có tiền án, tiền sự, bị hại có đơn xin bãi nại đối với bị cáo nên

xem xét áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Các bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo tuy nhiên hành vi của các bị cáo mang tính côn đồ nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo Nghị quyết hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đặng Minh H, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Trọng N1, Lê Minh Q, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 166/2022/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tiếp tục tạm giữ số tiền 26.762.500 đồng bị cáo Đặng Minh H đã nộp theo biên lai thu số 0000259 ngày 14/4/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An để đảm bảo thi hành án.

[7] Về xử lý vật chứng: Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xe mô tô cần bị tịch thu là xe nhãn hiệu JUARA, số khung trên ống cổ xe bên trái là BE13A-TH143710 còn nguyên vẹn, số khung PMSRU120U0XA38539 bị cắt hàn ghép, số máy bị đục sửa, chỉ đọc được ...2-TH2....7, không đọc được các ký tự nguyên thủy còn lại, xe gắn biển kiểm soát là 70D1-150.63. Trong khi đó, qua xác minh, biển kiểm soát 70D1-150.63 là của xe loại nhãn hiệu JUARA số khung PMSRU120U0XA38539, số máy F124138539 của ông Nguyễn Hiếu N3 đang sử dụng bình thường. Tại phần quyết định của bản án tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển kiểm soát 70D1-150.63 là chưa chính xác, gây khó khăn trong công tác thi hành án. Do đó, cần tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước xe nhãn hiệu JUARA có số khung bị cắt hàn ghép đang bị tạm giữ và tuyên tịch thu tiêu hủy biển kiểm soát 70D1-150.63 là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo Đặng Minh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận. Các bị cáo Trần Trọng N1 và Lê Minh Q phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm c, d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đặng Minh H; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Trọng N1, Lê Minh Q; Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 166/2022/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Minh H, Trần Trọng N1 và Lê Minh Q phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: **Bị cáo Đặng Minh H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: **Bị cáo Trần Trọng N1 02 (hai) năm tù.** Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: **Bị cáo Lê Minh Q 02 (hai) năm tù.** Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 580, 585, 587, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc các bị cáo Nguyễn Công T2, Đặng Minh H, Trần Trọng N1 và Lê Minh Q có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Trương Công Nghiệm số tiền 167.050.000đồng, cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Công T2 bồi thường số tiền 41.762.500đồng, được khấu trừ số tiền 4.000.000đồng mà bị cáo đã nộp theo biên lai thu số 3957 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 37.762.500đồng.

Bị cáo Đặng Minh H bồi thường số tiền 41.762.500đồng, được khấu trừ số tiền 15.000.000đồng mà bị cáo đã nộp theo biên lai thu số 3957 ngày 15 tháng 11 năm 2022 và biên lai thu 2392 ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 26.762.500đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 26.762.500đồng bị cáo Đặng Minh H đã nộp theo biên lai thu số 0000259 ngày 14/4/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Lê Minh Q và ông Lê Hồng D có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 41.762.500đồng, được khấu trừ số tiền 15.000.000đồng mà bị cáo đã nộp theo biên lai thu số 3957 ngày 15 tháng 11 năm 2022 và biên lai thu 2391 ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bị cáo và ông D còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 26.762.500đồng.

Bị cáo Trần Trọng N1 bồi thường số tiền 41.762.500đồng, được khấu trừ số tiền 5.000.000đồng mà bị cáo đã nộp theo biên lai thu số 3957 ngày 15 tháng

11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 36.762.500đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu JUARA có số khung bị cắt hàn ghép (số khung trên ống cổ xe bên trái là BE13A-TH143710 còn nguyên vẹn, số khung PMSRU120U0XA38539 bị cắt hàn ghép, số máy bị đục sửa, chỉ đọc được ...2-TH2....7, không đọc được các ký tự nguyên thủy còn lại) đang bị tạm giữ.

Tịch thu tiêu hủy: Biên kiểm soát số 70D1-150.63.

Các vật chứng, tài sản trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tạm giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 29-14/11/2022 ngày 14 tháng 11 năm 2022.

5. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Trần Trọng N1 và Lê Minh Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- CQĐT Công an huyện;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Ngọc Thành